

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2022
V/v tranh chấp chia tài sản chung
và thay đổi người trực tiếp nuôi
con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp chia tài sản chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Yến T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn T2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Phan Văn T2, sinh năm 1937. Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà Thái Thị A, sinh năm 1939. Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Anh Phan Thanh T3, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà T, ông T1 có mặt; bà C, ông T2, bà A vắng mặt; anh T3 xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Yến T trình bày:

Bà và ông Phan Văn T2 là vợ chồng đã ly hôn theo Bản án số 40/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình giải quyết ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung thì còn một số tài sản chưa được giải quyết, cụ thể như sau: 02 cây vàng 24K đã nhận cầm cố 02 công tằm cây đất bà Huỳnh Thị C vào năm 2015; 07 công tằm cây đất trồng lúa do ông Phan Văn T2 và bà Thái Thị A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-519.14 do Phan Thanh T3 đứng tên; 01 căn nhà cũ gắn liền với 03 cái chuồng heo; 02 con heo nái và 02 bầy heo con; 02 chiếc máy cày và một chiếc phà; 40m dây điện kéo về nhà; 01 mô tua điện; 01 cây nước. Nguồn gốc 07 công đất trồng lúa là của ông T2 và bà A nhưng vào khoảng năm 2000, ông T2, bà A có thỏa thuận với bà và ông T2 trả tiền vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 19.000.000 đồng thì sẽ cho bà và ông T2 phân đất này. Đối với chiếc xe mô tô 94K1-51914 là của vợ chồng bà mua vào năm 2017 do ông T2 đứng tên nhưng sau đó ông T2 tặng cho anh T3 nhưng đây là tài sản chung của bà và ông T2.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất giữa bà và ông T2 với bà C; yêu cầu chia đôi 02 cây vàng 24K đã nhận cầm cố 02 công đất bà Huỳnh Thị C vào năm 2015, 07 công tằm cây đất trồng lúa do ông Phan Văn T2 và bà Thái Thị A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-519.14 do Phan Thanh T3 đứng tên, 01 căn nhà cũ gắn liền với 03 cái chuồng heo, 02 con heo nái và 02 bầy heo con, 02 chiếc máy cày và một chiếc phà, 40m dây điện kéo về nhà, 01 mô tua điện, 01 cây nước. Khi được chia tài sản, bà yêu cầu nhận giá trị bằng tiền. Riêng 01 cây vàng và heo nái, bà yêu cầu nhận tài sản.

Ngoài ra, bà T có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thị Hồng L và yêu cầu ông T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu L đến khi trưởng thành theo quy định pháp luật.

Ngày 07/01/2022, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia 07 công tằm cây đất trồng lúa do ông T2 và bà A đứng tên, thay đổi người trực tiếp nuôi cháu L và cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Phan Văn T2 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về việc quan hệ hôn nhân đã chấm dứt và tài sản chung chưa chia khi ly hôn gồm: 02 cây vàng 24K đã nhận cầm cố đất của bà C, 03 chuồng heo và 02 con heo nái, 02 chiếc máy cày, 01 chiếc phà, 40m dây điện kéo về nhà, 01 mô tua điện và 01 cây nước. Nay bà T yêu cầu chia đôi các tài sản nêu trên ông đồng ý. Đối với hai cây vàng 24k mỗi

người nhận 01 cây vàng 24k, còn các tài sản còn lại ông yêu cầu nhận tài sản và đồng ý hoàn giá trị cho bà T.

Bà T yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1 – 591.14, 02 bầy heo con và căn nhà cũ thì ông không đồng ý. Lý do: Chiếc xe mô tô này ông mua để cho con đi học là tài sản riêng của ông đã thỏa thuận bằng miệng với bà T. Trước đây, ông và bà T thỏa thuận là ông mua chiếc xe số tiền khoảng 46.000.000 đồng, còn bà T sẽ được nhận 50.000.000 đồng. Đối với 02 bầy heo con là do ông trực tiếp chăm sóc heo nái sau khi kết thúc hôn nhân với bà T; đối với căn nhà cũ thì ông đã được giao sử dụng theo Bản án số 40 ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Đối với yêu cầu chia 07 công tằm cây đất ruộng thì tài sản này của cha mẹ ông là ông T2 và bà A, bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này nên ông không có ý kiến.

Đối với yêu cầu thay đổi nuôi con và cấp dưỡng, bà T xin rút yêu cầu ông cũng thống nhất, không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C trình bày:

Vào khoảng năm 2015, do bà cần tiền nên đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất để cố cho ông T2 và bà T. Thời hạn cố đất đến năm 2020 nhưng không có điều kiện chuộc lại. Bà đồng ý trả tài sản cầm cố là 02 cây vàng 24K cho ông T2 và bà T nhưng hiện tại bà chưa có tài sản để trả. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trả lại phần đất đã cố do bà và ông T2 tự thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T2 trình bày:

Ông không đồng ý đối với yêu cầu của bà T yêu cầu chia 07 công tằm cây đất trồng lúa, do đất này là của ông và vợ ông (bà A). Trước đây, ông và bà A có vay tiền Ngân hàng 19.000.000 đồng nhưng bà T và ông T2 trả số tiền này nên được canh tác đất. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng ông đã trả lại cho ông T2 19.000.000 đồng và ông T2 đã giao trả đất cho vợ chồng ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị A:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà A không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh T3 trình bày:

Bà T yêu cầu chia chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1 – 591.14 do anh đứng tên thì anh không đồng ý do chiếc xe này anh được ông T2 cho riêng vào khoảng đầu năm 2020. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T chia chiếc xe thì anh đồng ý giao chiếc xe trên cho ông T2 và bà T, anh không có yêu cầu gì đối với ông T2 và bà T do anh không có đóng góp gì đối với tài sản này.

* Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất giữa bà và ông T2 với bà C vào năm 2015; yêu cầu chia đôi 02 cây vàng 24K đã nhận cầm cố 02 công tằm cây đất bà Huỳnh Thị C, 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-519.14 do Phan Thanh T3 đứng tên, 01 căn

nhà cũ gắn liền với 03 cái chuồng heo, 02 con heo nái và 02 bầy heo con, 02 chiếc máy cày và một chiếc phà, 40m dây điện kéo về nhà, 01 mô tua điện, 01 cây nước

Ông T2 đồng ý đối với yêu cầu của bà T về việc hủy hợp đồng cầm cố đất giữa bà và ông T2 với bà C vào năm 2015; yêu cầu chia đôi 02 cây vàng 24K đã nhận cầm cố 02 công tầm cây đất bà Huỳnh Thị C, 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-519.14 do Phan Thanh T3 đứng tên, 03 cái chuồng heo, 02 con heo nái, 02 chiếc máy cày và một chiếc phà, 40m dây điện kéo về nhà, 01 mô tua điện, 01 cây nước. Ông không đồng ý đối với yêu cầu chia căn nhà cũ và 02 bầy heo con.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127 và 137 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Yến T yêu cầu chia đôi 07 công tầm cây đất trồng lúa, thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Phan Thị Hồng L và cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Yến T yêu cầu chia đôi căn nhà cũ tọa lạc tại ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tuyên bố giao dịch cổ đất năm 2015 giữa ông Phan Văn T2, bà Ngô Yến T với bà Huỳnh Thị C là vô hiệu. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Yến T về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với ông Phan Văn T2. Buộc bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Yến T 01 lượng vàng 24K và trả cho ông Phan Văn T2 01 lượng vàng 24K. Giao cho anh Phan Văn T2 01 mái che chuồng heo; gạch xây chuồng heo; 02 chiếc máy cày; 01 chiếc phà sắt; 01 đường dây điện, có đồng hồ điện; 01 mô tua điện; 01 cây nước; 01 con heo nái; ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn T2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA do anh Phan Thanh T3 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ngày 06/3/2020 cho anh Phan Thanh T3 tiếp tục quản lý, sử dụng. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Ngô Yến T yêu cầu chia tài sản chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với bị đơn là ông Phan Văn T2. Ông T2 cư trú tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bà Huỳnh Thị C, ông Phan Văn T2, bà Thái Thị A vắng mặt không rõ lý do; còn anh Phan Thanh T3 vắng mặt do xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông T2, bà A và anh T3.

[3] Bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia đôi 07 công tằm cây đất trồng lúa, thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Phan Thị Hồng L và cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của bà T.

Đối với yêu cầu chia đôi căn nhà cũ tọa lạc tại ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy, yêu cầu này của bà T đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu giải quyết bằng Bản án số 40/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020 và Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm g Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia căn nhà cũ của bà T.

[4] Về nội dung:

[4.1] Đối với yêu cầu hủy hợp đồng cổ đất năm 2015 giữa bà T, ông T2 với bà C; đồng thời yêu cầu chia đôi 02 cây vàng 24K đã cầm cố cho bà C. Bà T, ông T2 và bà C đều thống nhất xác định có giao dịch cổ đất vào năm 2015, nội dung là bà C giao cho ông T2 và bà T 02 công tằm cây đất, đồng thời bà C nhận 02 cây vàng 24K của ông T2 và bà T. Xét thấy, giao dịch cổ đất giữa bà T, ông T2 và bà C là không thực hiện đúng về chuyển quyền sử dụng đất theo khoản 10 Điều 3 Luật đất đai năm 2013. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ tuyên bố giao dịch cổ đất năm 2015 giữa ông T2, bà T với bà C là vô hiệu theo quy định tại Điều 127 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Bà T và ông T2 yêu cầu bà C trả 02 cây vàng 24K để chia đôi. Căn cứ Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trong vụ án này, bà T, ông T2 chỉ yêu cầu bà C trả 02 cây vàng 24K và không yêu cầu giải quyết việc giao trả đất; đồng thời phía bà C xác định bà và ông T2 sẽ tự thỏa thuận với nhau về việc giao trả đất nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết đối với việc giao trả đất, nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện ở vụ án khác.

Đối với 02 cây vàng nêu trên, bà T và ông T2 đều xác định đây là tài sản chung và chưa chia nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định 02 cây vàng là tài sản chung của bà T và ông T2, cần buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà T và ông T2, mỗi người 01 cây vàng 24K. Tại phiên tòa, bà T và ông T2 yêu cầu Tòa án căn cứ giá vàng theo cửa hàng mua bán vàng tại Bạc Liêu. Bà T và ông T2 thống nhất giá vàng của Tiệm vàng Kim Tín tại Bạc Liêu ngày 03/6/2022 là 5.490.000 đồng/chỉ.

[4.2] Đối với yêu cầu chia đôi 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-519.14 do Phan Thanh T3 đứng tên giấy đăng ký, 03 cái chuồng heo, 02 con heo nái và 02 bầy heo con, 02 chiếc máy cày, một chiếc phà, 40m dây điện kéo về nhà, 01 mô tua điện, 01 cây nước.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 29/10/2020 thể hiện:

- 01 mái che chuồng heo, diện tích 38,16m², có kết cấu cột bê tông, mái tol, có giá trị 1.549.296 đồng.

- nền xi măng có diện tích 38,16m², có giá trị là 3.873.240 đồng.

- Gạch xây chuồng heo D100, tô 01 mặt, diện tích 22,4m², có giá trị là 1.892.800 đồng.

- 01 chiếc máy cày, có đầu máy hiệu VIKYNO, hộp số sườn ký hiệu YANMAR KC6-G, có giá trị là 5.000.000 đồng;

- 01 chiếc máy cày đầu máy hiệu RD125, hộp số sườn ký hiệu YANMAR KS6, có giá trị là 3.000.000 đồng.

- 01 chiếc phà sắt, có kết cấu khung sắt, lợp sắt có kích thước 1,6m x 4m, có giá trị là 2.500.000 đồng.

- 01 đường dây điện có giá trị là 248.000 đồng.

- Đồng hồ điện có giá trị là 836.000 đồng.

- 01 mô tua điện có ký hiệu LIQUIDUS SU1100 có giá trị là 900.000 đồng.

- 01 cây nước loại phi 49, có giá trị là 5.500.000 đồng.

- 02 con heo nái, giá trị là 1.000.000/con.

- 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-519.14 nhãn hiệu YAMAHA, số loại: EXCITER, số máy G3D4E562506, số khung RLCUG0610HY538981 do anh Phan Thanh T3 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ngày 06/3/2020, có giá trị là 17.480.000 đồng.

Đối với 02 bầy heo con không định giá được do không có heo thực tế.

Hiện các tài sản nêu trên do ông T2 đang trực tiếp sử dụng, riêng đối với chiếc xe thì do anh T3 đang quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, bà T và ông T2 thống nhất với tài sản theo Biên bản xem xét thẩm định và giá của Hội đồng định giá. Tuy nhiên, đối với heo nái thì ông T2 và bà T cùng xác định hiện nay có giá là 6.500.000 đồng/con, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng giá heo nái hiện nay là 6.500.000 đồng/con.

[4.3] Xét yêu cầu chia đôi chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 94K1-519.14. Ông T2 và bà T thống nhất chia đôi. Bà T yêu cầu nhận giá trị tài sản và ông T2 yêu cầu nhận tài sản là chiếc xe. Chiếc xe mô tô hiện do anh T3 đang quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa, ông T2 đồng ý tiếp tục tặng cho anh T3 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-519.14 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Chiếc xe mô tô có giá trị là 17.480.000 đồng. Do đó, ông T2 có nghĩa vụ trả 50% giá trị chiếc xe

cho bà T là 8.740.000 đồng và anh T3 được tiếp tục quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 94K1-51914 nhãn hiệu YAMAHA.

[4.4] Xét yêu cầu chia đôi 01 mái che chuồng heo, gạch xây chuồng heo, sân xi măng, 02 chiếc máy cày, 01 chiếc phà sắt, 01 đường dây điện, có đồng hồ điện, đường dây điện có chiều dài 40m, 01 mô tua điện, 01 cây nước loại phi 49. Bà T và ông T2 đồng ý chia đôi. Ông T2 yêu cầu nhận tài sản và bà T đồng ý. Do đó, cần giao các tài sản này cho ông T2, đồng thời ông T2 có trách nhiệm hoàn trả 50% giá trị tài sản cho bà T. Tổng giá trị tài sản là 25.299.336 đồng. Ông T2 phải hoàn trả cho bà T số tiền là 12.649.668 đồng.

[4.5] Xét yêu cầu chia đôi 02 con heo nái và 02 bầy heo con: Bà T và ông T2 cùng xác định tài sản chung là 02 con heo nái. Bà T và ông T2 đều yêu cầu nhận tài sản. Ông T2 xác định, hiện nay chỉ còn 01 con heo nái, bởi ông đã bán 01 con heo nái do biếng ăn. Xét thấy, do ông T2 đã được nhận tài sản là chuồng heo và hiện tại đang trực tiếp nuôi heo nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao tài sản là heo nái cho ông T2, đồng thời ông T2 có nghĩa vụ hoàn trả 50% giá trị 02 con heo nái cho bà T, có giá trị là 6.500.000 đồng. Đối với yêu cầu chia 02 bầy heo con, bà T và ông T2 cùng xác định sau khi ly hôn, heo nái đẻ được 02 bầy heo con vào tháng 10/2020 (âm lịch) và tháng 3/2021 âm lịch; đối với 02 bầy heo con này đã bán với số tiền là 33.400.000 đồng. Bà T yêu cầu chia đôi tài sản này nhưng ông T2 không đồng ý bởi sau khi ly hôn, ông là người trực tiếp nuôi heo nên phải bỏ chi phí thức ăn nuôi heo là 20.800.000 đồng nên heo con đẻ là tài sản của riêng ông. Bà T đồng ý khấu trừ tiền thức ăn mà ông T2 đã nuôi heo vào số tiền đã bán heo con nên yêu cầu chia đôi số tiền heo con là $33.400.000 \text{ đồng} - 20.800.000 \text{ đồng} = 12.600.000 \text{ đồng}$. Xét thấy, khi ly hôn tài sản chung là 02 con heo nái chưa được Tòa án giải quyết nên 02 bầy heo con là tài sản được hình thành từ hoa lợi của tài sản chung. Tuy nhiên, vào thời điểm 02 bầy heo con đẻ thì bà T vẫn còn sinh sống trong căn nhà với ông T2 do bà T được quyền lưu cư 06 tháng kể từ thời điểm hôn nhân chấm dứt. Sau khi ly hôn, ông T2 là người trực tiếp chăm sóc heo nái đẻ 02 bầy heo con nên Hội đồng xét xử xem xét công sức đóng góp của ông T2 đối với việc hình thành tài sản này. Nên cần chia cho ông T2 $\frac{2}{3}$ giá trị tiền bán heo con và bà T $\frac{1}{3}$ giá trị tiền bán heo con sau khi trừ chi phí thức ăn. Do đó, ông T2 được nhận số tiền là 8.400.000 đồng và bà T nhận 4.200.000 đồng. Ông T2 là người bán heo con và nhận tiền nên buộc ông T2 phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 4.200.000 đồng.

[5] Như đã phân tích phần [4], ông T2 được chia tài sản có giá trị là: $54.900.000 \text{ đồng} + 8.740.000 \text{ đồng} + 12.649.668 \text{ đồng} + 6.500.000 \text{ đồng} + 8.400.000 \text{ đồng} = 91.189.668 \text{ đồng}$. Bà T được chia tài sản có giá trị là: $(54.900.000 \text{ đồng} + 8.740.000 \text{ đồng} + 12.649.668 \text{ đồng} + 6.500.000 \text{ đồng} + 4.200.000 \text{ đồng}) = 86.989.668 \text{ đồng}$. Do ông T2 nhận tài sản (trừ giá trị 01 cây vàng 24K) nên ông T2 phải hoàn giá trị cho bà T số tiền 32.089.668 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng:

[6.1] Chi phí xem xét thẩm định và định giá đối với đất tranh chấp là 6.579.760 đồng. Do bà T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện này nên bà T phải chịu số tiền 6.579.760 đồng. Bà T đã nộp xong và chi hết.

[6.2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 740.000 đồng. Do có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T nên bà T phải chịu 50% và ông T2 phải chịu 50% chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà T đã nộp toàn bộ và chi hết. Do đó, ông T2 phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà T số tiền là 370.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà T phải chịu án phí có giá ngạch là: $86.989.668 \text{ đồng} \times 5\% = 4.349.483 \text{ đồng}$.

Ông T2 phải chịu án phí có giá ngạch là: $91.189.668 \text{ đồng} \times 5\% = 4.559.483 \text{ đồng}$.

Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch.

[7] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Khoản 1, 3 Điều 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 24, Điều 27 **Nghị quyết** số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Yến T yêu cầu chia đôi 07 công tằm cấy đất trồng lúa, thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Phan Thị Hồng L và cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Yến T yêu cầu chia đôi căn nhà cũ tọa lạc tại ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Yến T về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với ông Phan Văn T2.

3.1 Tuyên bố giao dịch cổ đất năm 2015 giữa ông Phan Văn T2, bà Ngô Yến T với bà Huỳnh Thị C là vô hiệu.

Buộc bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Yến T 01 (một) cây vàng 24K và trả cho ông Phan Văn T2 01 (một) cây vàng 24K.

3.2. Buộc ông Phan Văn T2 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản cho bà Ngô Yến T tổng số tiền là 32.089.668 đồng (ba mươi hai triệu không trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3.3 Giao cho ông Phan Văn T2 các tài sản như sau: 01 (một) mái che chuồng heo, diện tích 38,16m², có kết cấu cột bê tông, mái tol và nền xi măng có diện tích 38,16m²; gạch xây chuồng heo D100, tô 01 mặt, diện tích 22,4m²; 01 (một) chiếc máy cày, có đầu máy hiệu VIKYNO, hộp số sườn ký hiệu YANMAR KC6-G; 01 (một) chiếc máy cày đầu máy hiệu RD125, hộp số sườn ký hiệu YANMAR KS6; 01 (một) chiếc phà, có kết cấu khung sắt, lợp sắt có kích thước 1,6m x 4m; 01 (một) đường dây điện, có đồng hồ điện, đường dây điện có chiều dài 40m; 01 (một) mô tua điện có ký hiệu LIQUIDUS SU1100; 01 (một) cây nước loại phi 49; 01 (một) con heo nái.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn T2 cho 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: EXCITER, số máy G3D4E562506, số khung RLCUG0610HY538981 do anh Phan Thanh T3 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ngày 06/3/2020 cho anh Phan Thanh T3 tiếp tục quản lý, sử dụng.

4. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá đối với đất tranh chấp là 6.579.760 đồng. Do bà Ngô Yến T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện này nên bà Ngô Yến T phải chịu số tiền 6.579.760 đồng. Bà Ngô Yến T đã nộp xong và chi hết.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 740.000 đồng. Bà Ngô Yến T phải chịu 370.000 đồng và ông Phan Văn T2 phải chịu 370.000 đồng. Bà Ngô Yến T đã nộp toàn bộ và chi hết. Buộc ông Phan Văn T2 phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Ngô Yến T số tiền là 370.000 đồng (ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Yến T phải nộp án phí có giá ngạch là 4.349.483 đồng (bốn triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng). Bà Ngô Yến T đã nộp tạm ứng án phí 7.750.000 đồng (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008575 ngày 10 tháng 3 năm 2021 và 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000653 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí 4.349.483 đồng (bốn triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng) và được hoàn 4.900.517 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn năm trăm mười bảy đồng).

Ông Phan Văn T2 phải nộp án phí có giá ngạch là 4.559.483 đồng (bốn triệu năm trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng).

Bà Huỳnh Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh